

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT THÁNG 07/2025
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN

Thời gian: 17h45 * Ngày thi: 26/07/2025

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
1	27205442386	Nguyễn Ngọc Thanh	Cẩm	07/05/2003	Phú Yên	31CYC4	9.0	6.5	Đạt	
2	28207100186	Phan Vũ Đình	Đình	20/02/2004	Quảng Nam	31CBN3	V	6.3	Không Đạt	
3	26205442073	Nguyễn Ngọc Mỹ	Duyên	28/05/2002	Đắk Lắk	31TYC7	8.0	5.3	Đạt	
4	28207149493	Phạm Thị Mỹ	Duyên	13/04/2004	Gia Lai	31THT7	8.0	2.0	Không Đạt	
5	28204500513	Huỳnh Tiên	Giang	22/02/2003	Đà Nẵng	31THT9	8.7	9.0	Đạt	
6	28204954083	Nguyễn Thị Quỳnh	Giang	21/01/2004	Đắk Lắk	31TYC7	8.7	7.0	Đạt	
7	27211300541	Trần Đình	Hải	04/11/2003	Phú Yên	31TYC7	7.0	4.0	Không Đạt	
8	28204453988	Trần Thị Thanh	Hằng	19/12/2004	Quảng Nam	31CYC4	8.3	8.5	Đạt	
9	28204854214	Đỗ Hồng	Hạnh	27/04/2004	Quảng Trị	31TYC7	9.0	6.5	Đạt	
10	29206739155	Phạm Thị Thu	Hiền	16/03/2005	Quảng Nam	31TYC7	8.3	7.3	Đạt	
11	27215351498	Trần Anh	Hiếu	10/10/2003	Bắc Giang	31CYC4	7.7	8.3	Đạt	
12	28204406625	Huỳnh Thị Lệ	Hoa	16/01/2004	Quảng Nam	31CYC4	10.0	9.5	Đạt	
13	28217354762	Nguyễn Sỹ Tuấn	Hùng	10/10/2001	Hà Nội	31CYC4	9.0	9.5	Đạt	
14	27215402433	Nguyễn Phước Thái	Hung	30/01/2003	Huế	31CYC4	7.0	8.5	Đạt	
15	29206700064	Nguyễn Thị Thương	Huyền	18/01/2005	Quảng Trị	31TYC7	9.0	9.5	Đạt	
16	27205434809	Nguyễn Mai	Khanh	30/09/2003	Gia Lai	31CYC4	8.7	8.0	Đạt	
17	27217201149	Trần Bảo	Khánh	23/08/2003	Đắk Lắk	30CBN12	6.3	6.0	Đạt	
18	27215345892	Phan Văn	Khởi	24/05/2003	Quảng Nam	31CYC4	9.0	10.0	Đạt	
19	29206640894	Trần Thị Thanh	Kiều	09/07/2005	Bình Định	31CYC4	8.3	7.0	Đạt	
20	28207242241	Lương Thị Tuyết	Kim	14/11/2003	Quảng Ngãi	31CYC4	9.3	9.5	Đạt	
21	28214300904	Trương Hiếu	Kỳ	27/08/2004	Quảng Ngãi	31TYC7	9.0	5.8	Đạt	
22	28206503063	Nguyễn Thị	Li	20/03/2004	Quảng Nam	31TYC7	8.3	8.0	Đạt	
23	28204403413	Bùi Thị Kiều	Loan	06/02/2004	Quảng Ngãi	31CYC4	9.0	8.0	Đạt	
24	28205203437	Huỳnh Thị Trà	My	09/07/2004	Đắk Lắk	31SHT5	8.0	7.5	Đạt	
25	29207345475	Lê Thị Trà	My	01/10/2005	Quảng Bình	31CYC4	8.3	6.0	Đạt	
26	28206206520	Nguyễn Thái Hà	Na	30/04/2004	Quảng Nam	31CYC4	7.3	8.5	Đạt	
27	27205401064	Nguyễn Lê Ngọc	Ngọc	10/08/2003	Đà Nẵng	31CYC4	9.3	10.0	Đạt	
28	27205444233	Lê Thị Thanh	Nhàn	05/10/2003	Đắk Lắk	31CYC4	9.3	8.8	Đạt	
29	27205300407	Đặng Ngô Vũ	Nhi	01/07/2003	Quảng Ngãi	31CYC4	9.3	9.5	Đạt	
30	28204950493	Đặng Thảo	Nhi	01/04/2003	Quảng Nam	31TYC7	7.0	9.0	Đạt	
31	28204804855	Lê Thị Yên	Nhi	03/03/2004	Quảng Nam	31THT9	4.7	3.8	Không Đạt	
32	27204337320	Lê Vũ Khánh	Nhi	29/08/2003	Đà Nẵng	31TBN2	5.0	9.5	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	29206751121	Ngô Nguyễn Yến Nhi	02/02/2005	Quảng Ngãi	31TYC7	5.7	7.0	Đạt	
34	27205402019	Nguyễn Hoàng Phương Nhi	14/10/2003	Cần Thơ	31THT8	8.0	7.0	Đạt	
35	28204706187	Nguyễn Thị Thanh Nhi	07/12/2004	Đắk Lắk	31TYC7	9.7	7.5	Đạt	
36	28209402321	Trần Vũ Hoài Nhi	30/09/2004	Quảng Nam	31TYC7	9.7	9.0	Đạt	
37	27205431644	Võ Quỳnh Nhi	21/11/2003	Quảng Ngãi	31CYC4	7.7	8.6	Đạt	
38	28206539542	Đặng Thị Quỳnh Như	23/09/2004	Quảng Ngãi	31CYC4	9.7	8.3	Đạt	
39	27205140354	Trần Nữ Quỳnh Như	07/06/2003	Phú Yên	31TYC7	9.0	5.3	Đạt	
40	29206757768	Phan Thị Hoàng Oanh	19/05/2005	Quảng Nam	31TYC7	10.0	9.0	Đạt	
41	28214151604	Nguyễn Tấn Phúc	19/08/2004	Quảng Nam	31TSC8	7.7	10.0	Đạt	
42	29214356496	Mai Xuân Phụng	14/06/2005	Quảng Ngãi	31CYC4	5.7	3.8	Không Đạt	
43	28204552464	Cao Ngọc Bảo Quyên	22/02/2004	Đà Nẵng	31TYC7	8.7	3.8	Không Đạt	
44	27207228730	Nguyễn Vũ Tịnh Quyên	23/07/2003	Hội An	30TBN15	5.0	8.5	Đạt	
45	28204640133	Phạm Thị Như Quỳnh	04/08/2004	Nghệ An	31TYC7	9.3	8.3	Đạt	
46	28205129941	Nguyễn Thị Thanh Tâm	17/04/2004	Đà Nẵng	31SHT5	7.7	5.5	Đạt	
47	29206551037	Nguyễn Thị Thương Thanh	12/08/2005	Quảng Ngãi	31CYC4	7.0	7.0	Đạt	
48	28213600690	Nguyễn Việt Thành	18/08/2004	Bình Định	31TYC7	9.7	8.0	Đạt	
49	29206153154	Nguyễn Thị Phương Thảo	17/03/2005	Quảng Trị	31CYC4	7.0	7.0	Đạt	
50	27215431296	Nguyễn Bùi Hòa Thịnh	20/02/2003	Phú Yên	31CYC4	9.3	6.5	Đạt	
51	29218457241	Trịnh Quang Thịnh	30/12/2005	Quảng Nam	31CYC4	7.7	6.5	Đạt	
52	28204550611	Nguyễn Đoàn Oanh Thư	02/09/2002	Đà Nẵng	31THT9	3.3	5.0	Không Đạt	
53	29208151488	Đinh Thị Diệu Thương	11/08/2005	Gia Lai	31TYC7	8.7	3.5	Không Đạt	
54	28204123002	Văn Thị Hoài Thương	12/10/2004	Bình Định	31TSC8	7.0	8.3	Đạt	
55	28206552048	Nguyễn Thị Thanh Thúy	09/09/2004	Đà Nẵng	31TYC7	7.7	3.0	Không Đạt	
56	28214353179	Hoàng Minh Tiến	31/03/2004	Quảng Trị	31TYC7	9.7	9.5	Đạt	
57	28213232277	Nguyễn Đức Anh Toàn	25/05/2004	Đà Nẵng	31TYC7	7.0	3.3	Không Đạt	
58	29206741435	Nguyễn Thị Bảo Trâm	26/08/2005	Đà Nẵng	31TYC7	10.0	5.8	Đạt	
59	29208120932	Đoàn Thị Huyền Trang	05/09/2005	Quảng Bình	31CYC4	10.0	8.5	Đạt	
60	26203222725	Nguyễn Thị Thanh Tú	29/04/2002	Đắk Lắk	30THT11	9.3	9.3	Đạt	
61	27215439556	Lại Minh Tuấn	22/12/2003	Lâm Đồng	31CYC4	9.3	9.0	Đạt	
62	29206761095	Cao Hải Uyên	25/01/2005	Đà Nẵng	31TYC7	6.0	8.5	Đạt	
63	27207221532	Nguyễn Thị Thanh Uyên	20/04/2003	Quảng Ngãi	31SSC1	5.3	5.0	Đạt	
64	29206765754	Phạm Nguyễn Phương Uyên	31/03/2005	Đà Nẵng	31TYC7	9.7	9.5	Đạt	
65	29206757900	Trần Khánh Uyên	09/10/2005	Quảng Nam	31TYC7	10.0	6.0	Đạt	
66	29208120475	Lê Thị Thúy Vân	11/08/2005	Quảng Nam	31TYC7	9.7	5.5	Đạt	
67	28204854947	Nguyễn Thị Tường Vi	19/06/2004	Quảng Nam	31TYC7	9.7	5.3	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
68	25215307124	Đỗ Phú Quốc	Việt	22/01/2000	Quảng Nam	31CYC4	8.0	9.3	Đạt	
69	27207235060	Nguyễn Thị Tường	Vy	08/07/2003	Quảng Nam	31SSC1	5.7	8.0	Đạt	
70	29206759422	Huỳnh Thị Ý	Ý	26/09/2005	Đà Nẵng	31TYC7	7.0	6.5	Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh